

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần 17 của Học kỳ I.

2. Thời gian làm bài: Từ 45 - 50 phút

3. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm

4. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 50% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh lựa chọn chính xác 1 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác 2 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác 3 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 4 ý trong 01 câu hỏi được 1 điểm.

+ **Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.

MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ 1
MÔN SINH HỌC 11

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Trắc nghiệm trả lời ngắn (TNTLN)		
			Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)
1	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở động vật	Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	2NT1	1 NT2-5		2 NT1	1 TH1-2	1 (TH1-2, VD2)			
2		Hô hấp ở động vật	2 NT1	1 NT2-5	1 VD2	2 NT1	1 NT2-5	1 (TH1-2, VD2)			
3		T tuần hoàn ở động vật	2 NT1	1 NT2-5					2 NT1	1TH1-1 1NT4	2 VD2
4		Thực hành: tìm hiểu hoạt động hệ TH		1 NT2-5	1 VD2						
5		Miễn dịch ở người và động vật	2 NT1	1 NT2-5		2 NT1	1 NT2-5	1 (TH1-2, VD2)			
6		Bài tiết và cân bằng nội môi	2 NT1	1TH1-2		2 NT1	1 NT2-5	1 (TH1-2, VD2)			
Tổng số câu			10	6	2	2 (8 ý)	1(4 ý)	1(4 ý)	2	2	2
Tổng số điểm			(I): 2,5 đ	(II): 1,5 đ	(III): 0,5đ	(IV): 2,0 đ	(V): 1,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,5đ	(VIII): 0,5 đ	(IV): 0,5 đ
Tổng số câu/điểm từng định dạng			18 câu / 4,5 điểm			4 câu(16 ý) / 4,0 điểm			6 câu/ 1,5 điểm		
Tổng từng mức độ nhận thức:			Nhận biết I+IV+VII (5,0 điểm)			Thông hiểu II+V+VIII (3,0 điểm)			Vận dụng III+VI+IV (2,0 điểm)		

Chú ý: (Nhận thức sinh học: NT/Tìm hiểu thế giới sống: TH/Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: VD)
- NT1: Nhận biết, kể tên, phát biểu, nêu được các đối tượng, khái niệm, quy luật, quá trình sống.

- **NT2: Trình bày được** các đặc điểm, vai trò của các đối tượng và các quá trình sống bằng các hình thức biểu đạt như ngôn ngữ nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, ...
- **NT3: Phân loại được** các đối tượng, hiện tượng sống theo các tiêu chí khác nhau.
- **NT4: Phân tích được** các đặc điểm của một đối tượng, sự vật, quá trình theo logic nhất định.
- **NT5: So sánh, lựa chọn được** các đối tượng, khái niệm, các cơ chế, quá trình sống dựa theo các tiêu chí nhất định.
- **NT6: Giải thích được** mối quan hệ giữa các sự vật và hiện tượng (nguyên nhân – kết quả, cấu tạo – chức năng, ...)
- **NT7: Nhận ra và chỉnh sửa được** những điểm sai; đưa ra được những nhận định có tính phê phán (phản biện) liên quan tới chủ đề trong thảo luận.
- **NT8: Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học**, kết nối được thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày các văn bản khoa học; sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau.
- **TH1: Đề xuất vấn đề liên quan đến thế giới sống:** đặt ra được các câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; dùng ngôn ngữ của mình biểu đạt được vấn đề đã đề xuất.
- **TH2: Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết:** phân tích được vấn đề để đề xuất phán đoán; xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.
- **TH3: Lập kế hoạch thực hiện:** xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát, thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn, hồi cứu tư liệu...); lập được kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu [gọi chung là ‘thiết kế nghiên cứu’].
- **TH4: Thực hiện kế hoạch** [vd: Thực hiện nghiên cứu]: thu thập, lưu trữ được dữ liệu từ kết quả tổng quan, thực nghiệm, điều tra; đánh giá được kết quả dựa trên phân tích, xử lý các dữ liệu bằng các tham số thống kê đơn giản; so sánh được kết quả với giả thuyết, rút ra kết luận và điều chỉnh (nếu cần); đề xuất được ý kiến khuyến nghị vận dụng kết quả nghiên cứu, hoặc vấn đề nghiên cứu tiếp.
- **TH5: Viết, trình bày báo cáo và thảo luận:** sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả nghiên cứu; viết được báo cáo nghiên cứu; hợp tác được với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải trình, phản biện, bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách thuyết phục.
- **VD1: Giải thích thực tiễn: giải thích, đánh giá** được những hiện tượng thường gặp trong tự nhiên hoặc trong đời sống, tác động của chúng đến phát triển bền vững: **giải thích, đánh giá, phản biện** được một số mô hình công nghệ ở mức độ phù hợp.
- **VD2: Có hành vi, thái độ thích hợp:** đề xuất, thực hiện một số giải pháp để bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng; bảo vệ thiên nhiên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024
Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kiều Linh